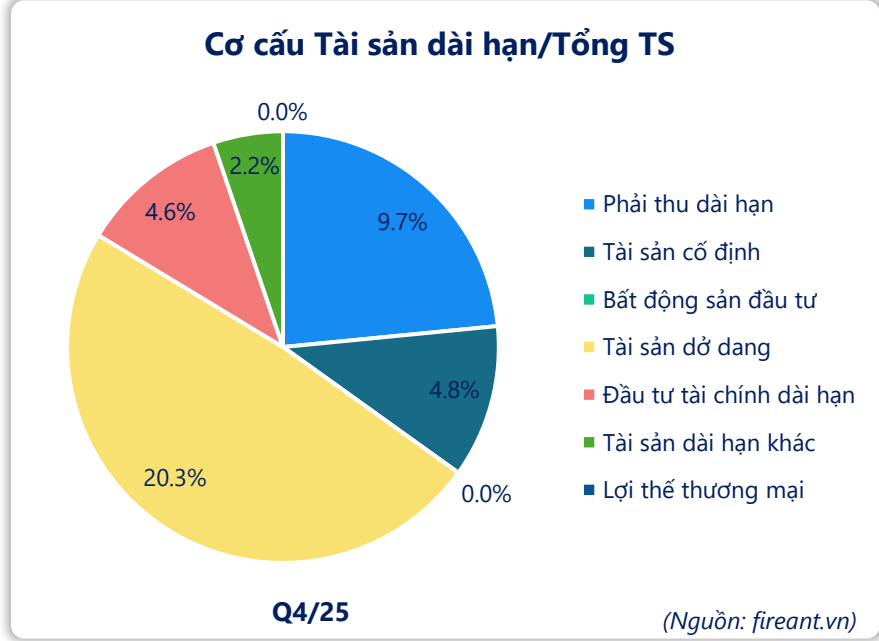
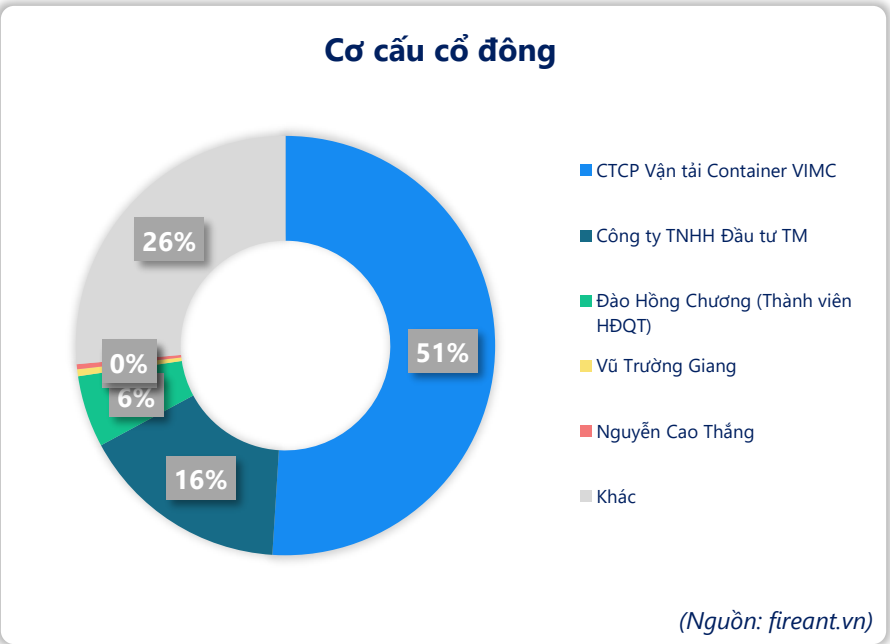
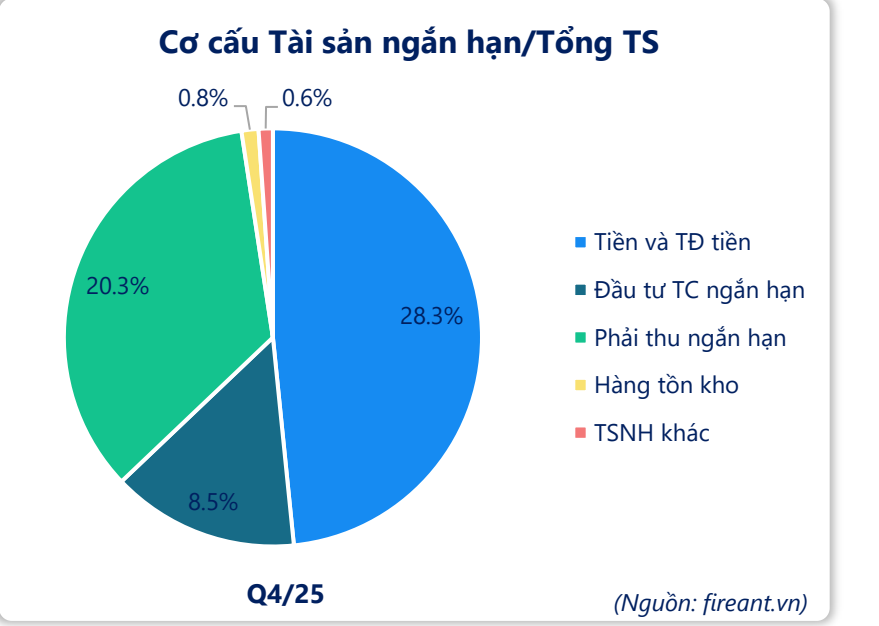
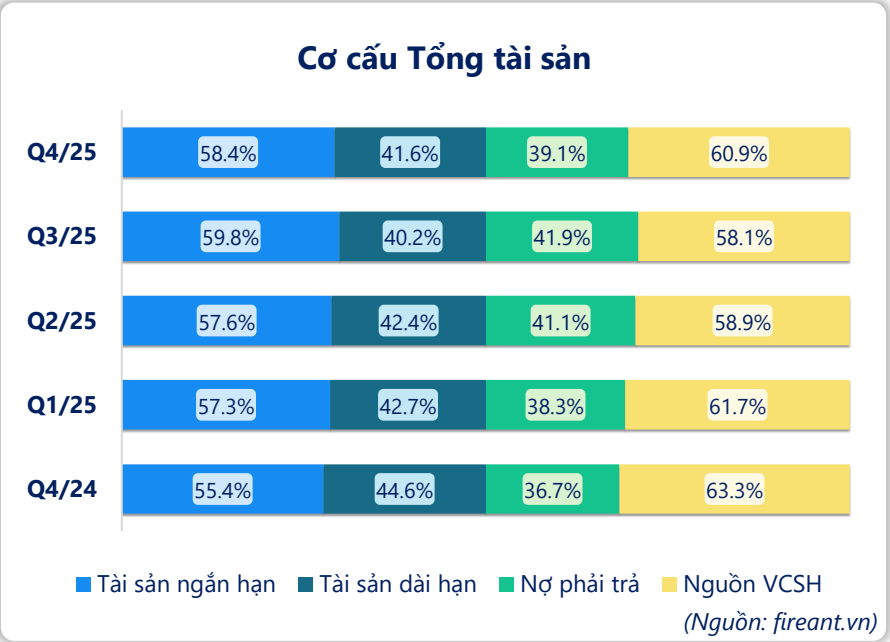
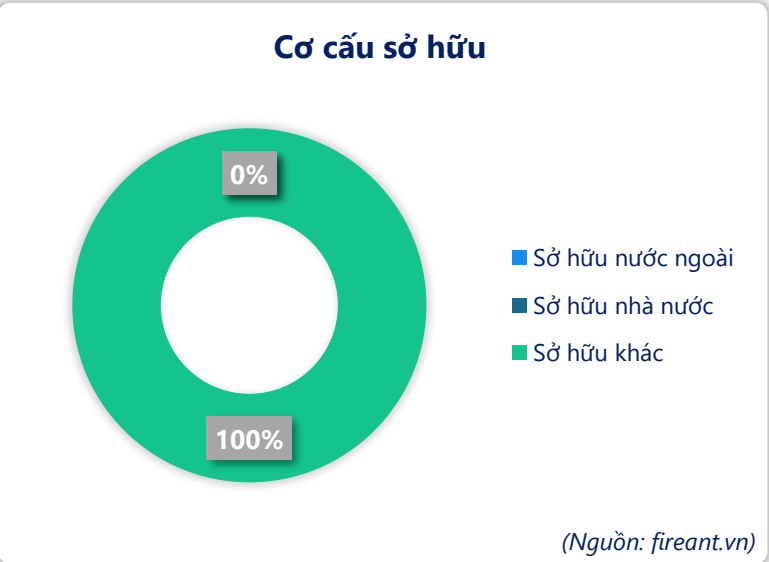
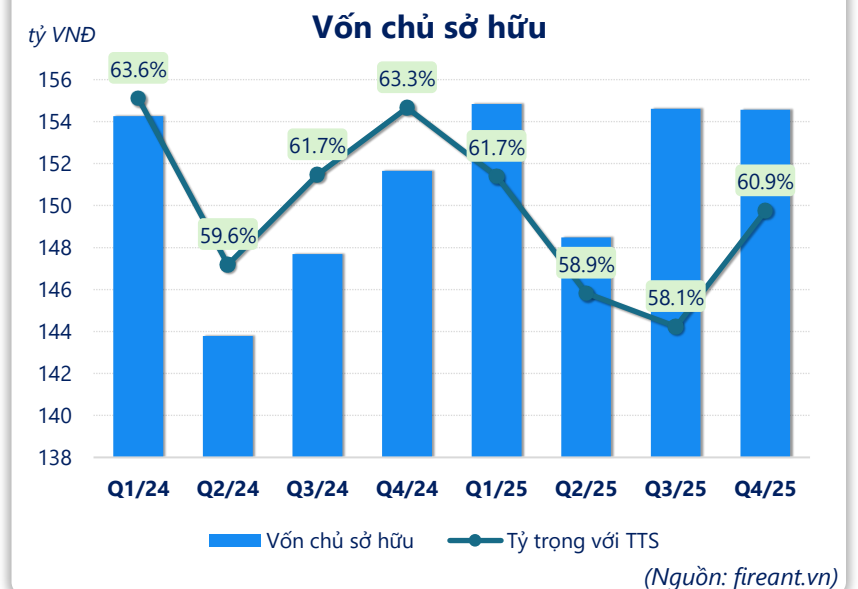
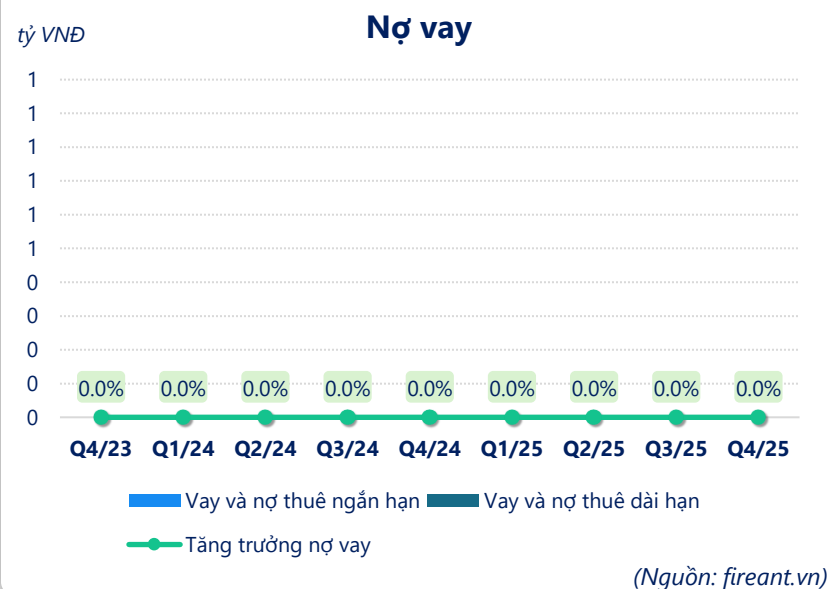
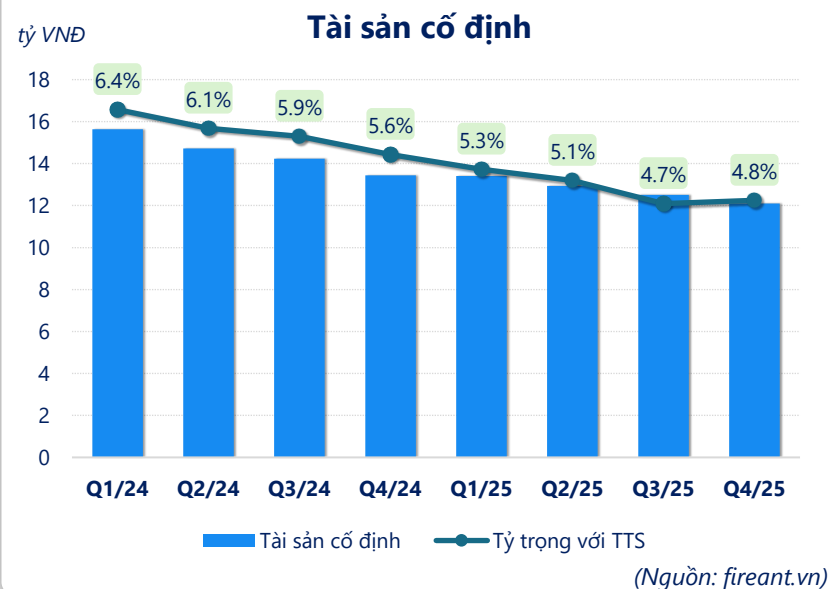
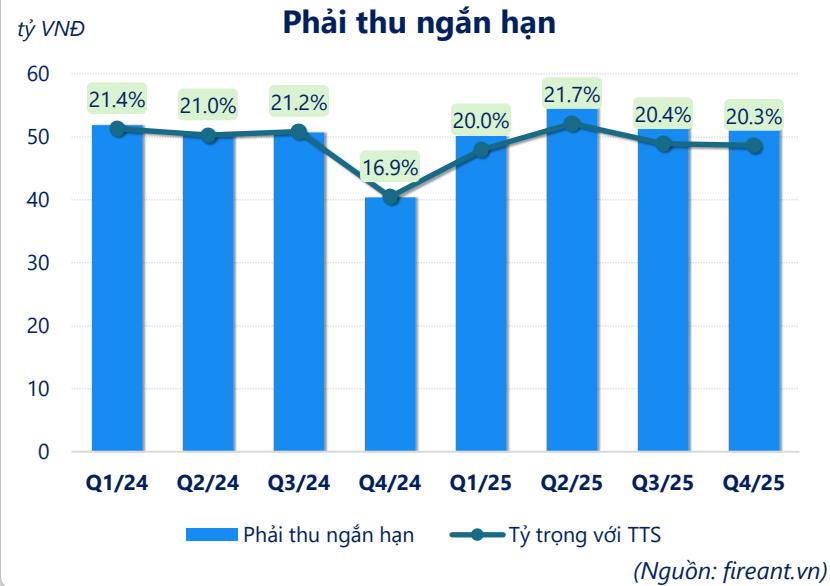
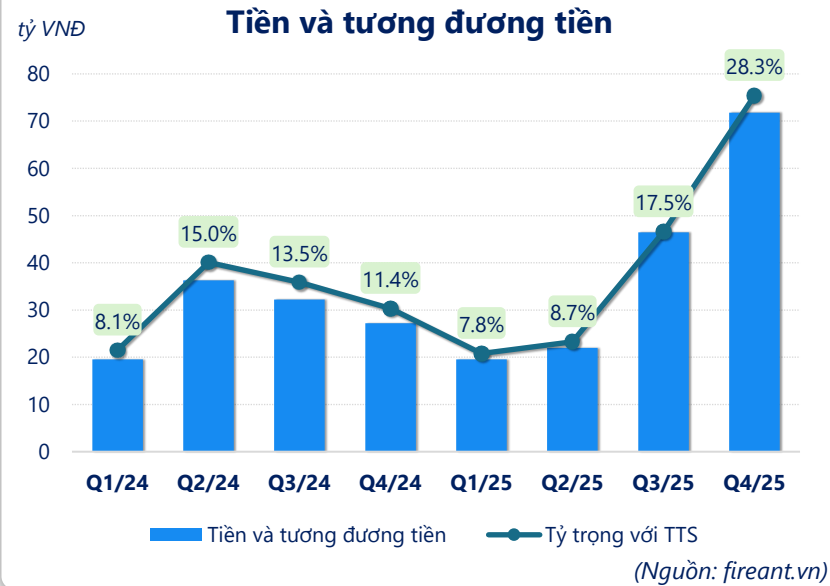
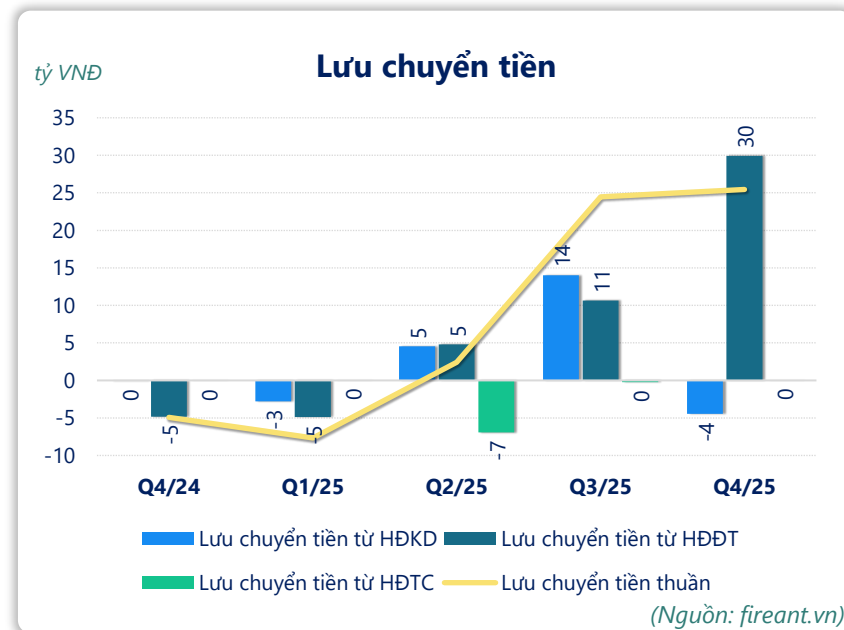
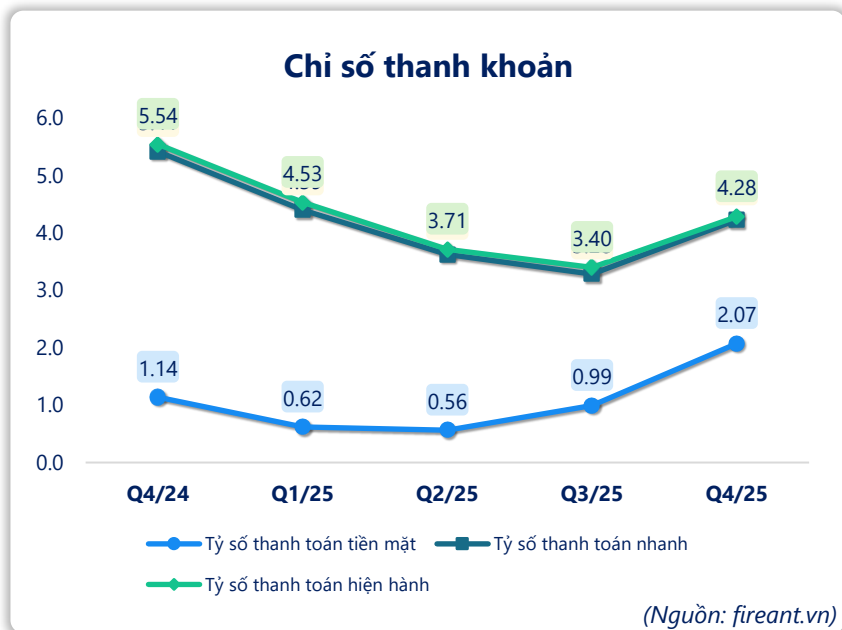
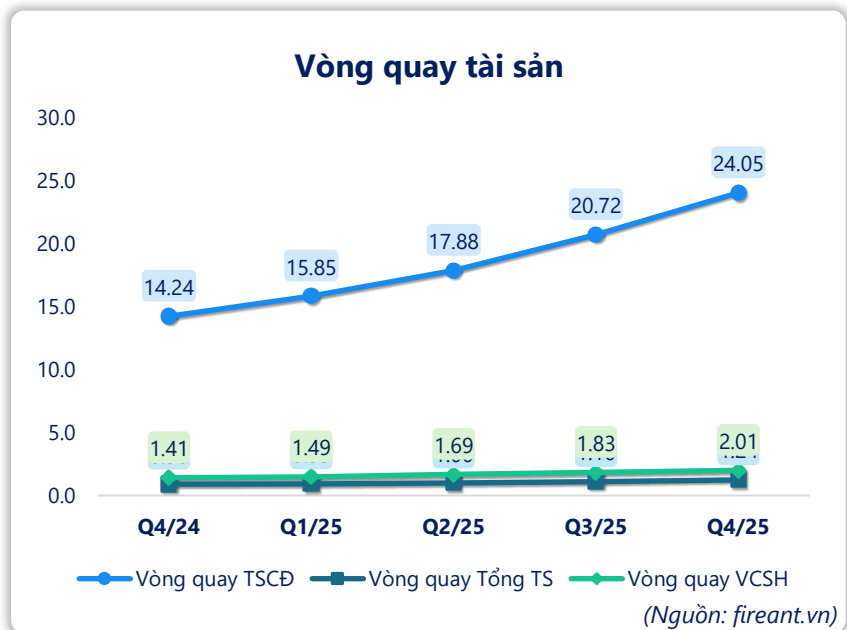
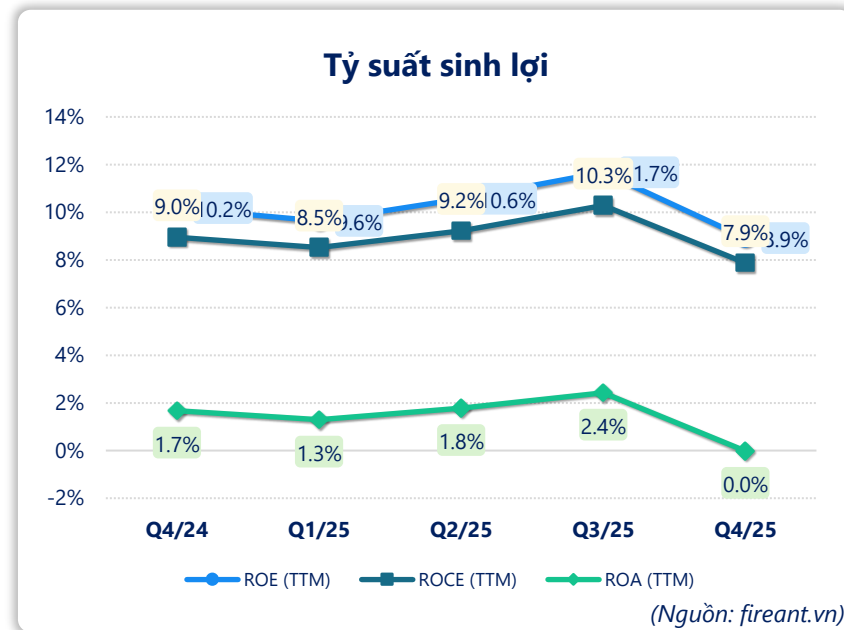
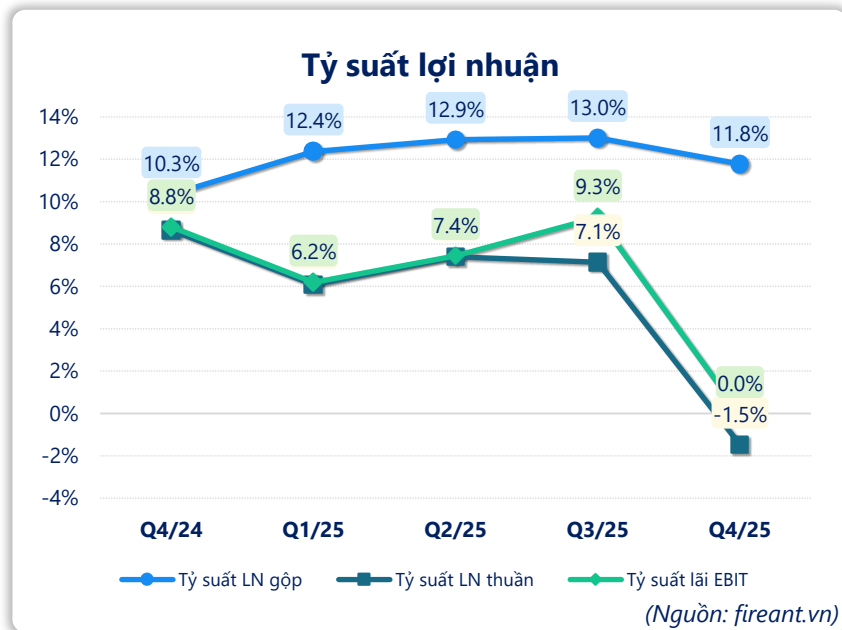
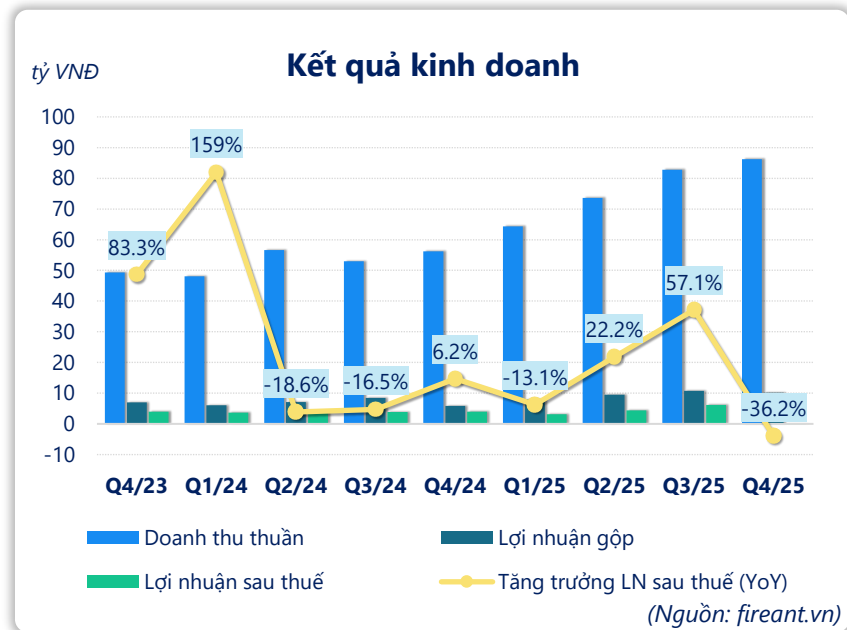


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		25,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,761
SL cổ phiếu LH		8,999,998
KLGD BQ 20 phiên (CP)		105
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		228
P/E		16.7
EPS		1,517

	YTD	1T	3T	6T
VMS	22.7%	-21.9%	-22.6%	41.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	254	239	6.1%
Tài sản ngắn hạn	148	133	11.9%
Tiền và tương đương tiền	71.8	27.2	164%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.5	59.8	-64.0%
Phải thu ngắn hạn	51.5	40.2	28.0%
Hàng tồn kho	1.95	3.04	-36.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.63	2.26	-27.7%
Tài sản dài hạn	106	107	-1.2%
Phải thu dài hạn	24.7	26.0	-4.9%
Tài sản cố định	12.1	13.4	-10.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	51.5	50.7	1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.7	11.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	5.52	4.91	12.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	99.3	87.7	13.3%
Nợ ngắn hạn	34.7	23.8	45.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	16.9	7.72	119%
Nợ dài hạn	64.7	63.9	1.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	155	152	1.9%
Vốn chủ sở hữu	155	152	1.9%
Vốn điều lệ	90.0	90.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	56.2	64.4	73.7	82.7	86.2
Giá vốn hàng bán	50.4	56.4	64.1	72.0	76.1
Lợi nhuận gộp	5.82	7.97	9.52	10.8	10.2
Doanh thu HĐTC	6.82	0.77	0.85	0.79	0.86
Chi phí TC	0.14	0.09	0.18	0.26	0.35
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.12	0.28	0.15	0.28	0.26
Chi phí QLDN	7.51	4.45	4.58	5.11	11.7
LN thuần từ HĐKD	4.86	3.92	5.45	5.91	-1.27
Lợi nhuận khác	0.08	0.07	0.03	1.75	1.25
LN trước thuế	4.95	3.99	5.48	7.66	-0.02
Lợi nhuận sau thuế	3.95	3.19	4.38	6.12	-0.05
LNST của CĐ cty mẹ	3.95	3.19	4.38	6.12	-0.05

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.04	-2.77	4.54	14.0	-4.44
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.82	-4.87	4.81	10.7	29.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.05	-0.02	-6.92	-0.22	-0.01
Tiền đầu kỳ	32.2	27.2	19.6	22.0	46.4
Lưu chuyển tiền thuần	-4.91	-7.67	2.43	24.5	25.4
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.07	0	0	0	-0.09
Tiền cuối kỳ	27.2	19.6	22.0	46.4	71.8

(Nguồn: fireant.vn)